

TỔNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
TỈNH BÌNH THUẬN

Số: 32 /QĐ-CTHADS

Bình Thuận, ngày 30 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022

CỤC TRƯỞNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TỈNH BÌNH THUẬN

Căn cứ Quyết định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 61/2014/QĐ-TTg ngày 30 tháng 10 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thi hành án dân sự;

Căn cứ Quyết định số 1740/QĐ-BTP ngày 01 tháng 8 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành quy định phân cấp, ủy quyền quản lý tài chính, tài sản, mua sắm hàng hóa, dịch vụ, đầu tư xây dựng và ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Tư pháp;

Căn cứ Quyết định số 1028/QĐ-TCTHADS ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Tổng Cục thi hành án dân sự về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022;

Xét đề nghị của Phụ trách Văn phòng, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận.

QUYẾT ĐỊNH :

Điều 1. Giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022 cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận (chi tiết theo phụ lục đính kèm).

Điều 2. Căn cứ dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022 được giao, Thủ trưởng các đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và văn bản hướng dẫn hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc Cục Thi hành án dân sự và các cá nhân, tổ chức liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận :

- Như Điều 2;
- KBNN tỉnh.;
- KBNN nơi giao dịch (gửi qua đơn vị sử dụng ngân sách)
- Tổng Cục THADS-VKHTC;
- Lãnh đạo Cục THADS;
- Lưu VT, Kế toán HCSN.



**K.T CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**

Nguyễn Văn Bình

Số: 1028/QĐ-TCTHADS

Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

Căn cứ Quyết định số 61/2014/QĐ-TTg ngày 30 tháng 10 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thi hành án dân sự;

Căn cứ Quyết định số 1740/QĐ-BTP ngày 01 tháng 8 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành quy định phân cấp, ủy quyền quản lý tài chính, tài sản, mua sắm hàng hóa, dịch vụ, đầu tư xây dựng và ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Tư pháp;

Căn cứ Quyết định số 1952/QĐ-BTP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch – Tài chính, Tổng cục Thi hành án dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022 cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc Tổng cục Thi hành án dân sự (chi tiết theo phụ lục đính kèm).

Điều 2. Căn cứ dự toán thu, chi ngân sách năm 2022 được giao, Thủ trưởng các đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và văn bản hướng dẫn hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc Tổng cục Thi hành án dân sự và các cá nhân, tổ chức liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Mai Lương Khôi (để b/c);
- Các Phó Tổng cục trưởng (để biết);
- Cục Kế hoạch - Tài chính, BTP (để ph/h);
- KBNN nơi đơn vị giao dịch (gửi qua đơn vị sử dụng ngân sách);
- Lưu: VT, KHTC.



TỔNG CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Quang Thái



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIAO ĐU TOÀN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 1028/QĐ-TCTHADS ngày 30 tháng 12 năm 2021 của
Tổng Cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự)

Đơn vị: Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận

Mã số : 1052718

Đơn vị: 1.000 đồng

STT	Nội dung	Tổng số
A	Số thu, chi ngân sách về phí, lệ phí	0
1	Số thu phí, lệ phí	0
2	Chi từ nguồn phí, lệ phí để lại (Bao gồm số được sử dụng tại đơn vị và số nộp về Tổng cục)	0
3	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	0
B	Dự toán chi Ngân sách nhà nước	2.622.454
	Trong đó: - Kinh phí giao tự chủ tài chính	0
	- Kinh phí giao không tự chủ tài chính	2.622.454
I	Chi quản lý hành chính nhà nước (Loại 340-Khoản 341)	2.622.454
1	Kinh phí giao tự chủ tài chính	0
2	Kinh phí giao không tự chủ tài chính	2.622.454
II	Chi sự nghiệp đào tạo (Loại 070-Khoản 085)	0
1	Kinh phí giao tự chủ tài chính	0
2	Kinh phí giao không tự chủ tài chính	0



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHI TIẾT DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CHO HỆ THỐNG THỊ HÀNH AN DÂN SỰ NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 1028/QĐ-TCTHADS ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Tổng Cục trưởng Tổng cục Thị hành an dân sự)

Đơn vị: 1.000 đồng

KINH PHÍ GIAO KHÔNG TỰ CHỦ TÀI CHÍNH (LOẠI 340-341)

Tên đơn vị	TỔNG SỐ	Kinh phí án điểm, án lớn, án phức tạp, kéo dài	Kinh phí cưỡng chế ngân sách chịu	Kinh phí tạm ứng cưỡng chế	Kinh phí tiêu hủy tang vật	KP bán đấu giá tài sản không thành	Kinh phí Thừa phát lại (tạm ứng)	Kinh phí bảo trì trụ sở, kho vật chứng	Kinh phí thuế trụ sở, kho vật chứng	Kinh phí tính gián biến chế	Kinh phí may trang phục
	1=SUM(2:13)	2	3	4	5	6	7	8	9	11	13
B	1=SUM(2:13)	2	3	4	5	6	7	8	9	11	13
BÌNH THUẬN	2.622.454	0	0	919.500	0	0	0	490.000	0	725.313	487.641
THA tỉnh	1.716.548	0	0	919.500	0	0	0	0	0	725.313	71.735
THA TP. Phan Thiết	56.558	0	0	0	0	0	0	0	0		56.558
THA Phú Quý	27.945	0	0	0	0	0	0	0	0		27.945
THA TX. La Gi	529.080	0	0	0	0	0	0	490.000	0		39.080
THA Hàm Tân	32.631	0	0	0	0	0	0	0	0		32.631
THA Tánh Linh	48.154	0	0	0	0	0	0	0	0		48.154
THA Tánh Linh	44.333	0	0	0	0	0	0	0	0		44.333
THA Tuy Phong	37.725	0	0	0	0	0	0	0	0		37.725
THA Bắc Bình	29.943	0	0	0	0	0	0	0	0		29.943
THA Hàm Thuận Nam	38.463	0	0	0	0	0	0	0	0		38.463
THA Đức Linh	61.074	0	0	0	0	0	0	0	0		61.074
THA Hàm Thuận Bắc											

BỘ TƯ PHÁP
TỔNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

Số: 4374/TCTHADS-KHTC
V/v thông báo chi tiết một số nội dung
giao dự toán ngân sách nhà nước
năm 2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2021

Kính gửi: Cục Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Căn cứ Quyết định số 1740/QĐ-BTP ngày 01/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành quy định phân cấp, ủy quyền quản lý tài chính, tài sản, mua sắm hàng hóa, dịch vụ, đầu tư xây dựng và ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Tư pháp;

Căn cứ Quyết định số 1952/QĐ-BTP ngày 30/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2022;

Căn cứ Công văn số /BTP-KHTC ngày /12/2021 của Bộ Tư pháp về việc thông báo chi tiết dự toán ngân sách nhà nước năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 1027/QĐ-TCTHADS và 1028/QĐ-TCTHADS ngày 30/12/2021 của Tổng Cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự về giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022.

Tổng cục Thi hành án dân sự (THADS) thông báo chi tiết nội dung giao dự toán (theo biểu kèm theo Công văn này) và lưu ý một số điểm về dự toán ngân sách nhà nước năm 2022 giao cho các cơ quan Thi hành án dân sự (THADS), cụ thể như sau:

I. Dự toán thu, chi từ phí thi hành án dân sự

1. Dự toán giao thu

Căn cứ kết quả thu nộp phí thi hành án dân sự năm 2021 của các đơn vị và số giao thu của Bộ Tư pháp, Tổng cục THADS giao dự toán thu phí thi hành án dân sự năm 2022 cho đơn vị dự toán trực thuộc. Trong đó, số thu được để lại (bao gồm cả số đơn vị giữ lại sử dụng và số nộp về Tổng cục THADS) giảm 15% trên tỷ lệ trích lại theo quy định tại Thông tư số 216/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính để nộp ngân sách nhà nước.

2. Dự toán giao chi

Trên cơ sở dự toán giao thu ngân sách nhà nước năm 2022, Tổng cục THADS giao dự toán chi đối với số phí được để lại sử dụng. Trong đó, đơn vị phải tiết kiệm 40% từ số thu được để lại để tạo nguồn cải cách tiền lương.

II. Dự toán chi quản lý hành chính nhà nước (Loại 340-341)

Dự toán chi quản lý hành chính năm 2021 phân bổ cho các cơ quan THADS địa phương bao gồm các nội dung sau:

1. Kinh phí giao tự chủ tài chính

1.1. Chi đảm bảo tiền lương, các khoản đóng góp cho cán bộ công chức

Tổng cục THADS cấp kinh phí tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo nhu cầu thực tế của số biên chế có mặt tại thời điểm 30/11/2021 và giảm trừ một số khoản kinh phí sau:

- Kinh phí tiền lương của số biên chế dự kiến nghỉ hưu, tinh giản năm 2022;
- Giảm trừ bình quân theo tỷ lệ.

Trong năm, các đơn vị chủ động cân đối để đảm bảo kinh phí tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp của cán bộ, công chức. Trường hợp không đảm bảo nguồn kinh phí, Cục THADS báo cáo Tổng cục THADS xem xét, quyết định.

1.2. Kinh phí chi thường xuyên theo định mức

Tổng cục THADS phân bổ định mức chi thường xuyên theo số biên chế kế hoạch được giao năm 2021.

Định mức chi thường xuyên cụ thể như sau:

a) Cục THA dân sự cấp tỉnh:

- Cục THADS thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội và Cục THADS tỉnh, thành phố có hệ số PCKV $\geq 0,3$: 52,7 triệu đồng/người/năm;
- Cục THADS tỉnh, thành phố có hệ số PCKV $< 0,3$: 51,4 triệu đồng/người/năm.

b) Chi cục THADS cấp huyện:

- Huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh có hệ số PCKV $\geq 0,3$ và Chi cục THADS cấp huyện thuộc các tỉnh Miền Tây Nam Bộ: 48,8 triệu đồng/người/năm;
- Huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh có hệ số PCKV $< 0,3$: 47,5 triệu đồng/người/năm.

1.3. Kinh phí quản lý ngành

Kinh phí quản lý ngành cho các Cục THADS để tổ chức triển khai hướng dẫn, kiểm tra đối với các Chi cục THADS trực thuộc. Phân bổ theo các mức sau:

- Quản lý các Chi cục THADS có hệ số PCKV $\geq 0,3$: 12 triệu đồng/đơn vị trực thuộc/năm;

- Quản lý các Chi cục THADS có hệ số PCKV $< 0,3$: 10 triệu đồng/đơn vị trực thuộc/năm.

- Riêng Cục THADS tỉnh Thanh Hóa (nơi thực hiện việc giao lưu trao đổi hợp tác giữa Việt Nam và Lào), Cục THADS tỉnh Tuyên Quang (nơi có khu di tích lịch sử Bộ Tư pháp) và Cục THADS tỉnh Kiên Giang (nơi đang có hoạt động tiếp xúc cử tri của Bộ trưởng Bộ Tư pháp): phân bổ thêm cho mỗi Cục 100 triệu đồng.

1.4. Kinh phí hỗ trợ thuê hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP

a) Nguyên tắc phân bổ

- Hỗ trợ kinh phí tiền lương cho các đối tượng là lái xe, bảo vệ, tạp vụ ký không xác định thời hạn theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP theo nguyên tắc:

+ Lái xe: Cục THADS thành phố Hà Nội và Hồ Chí Minh 03 lái xe/đơn vị; các Cục THADS còn lại 02 lái xe/đơn vị; Chi cục THADS thành phố Thủ Đức 02 lái xe/đơn vị; các đơn vị đã được trang bị xe còn lại 01 lái xe/đơn vị;

+ Bảo vệ: 2 bảo vệ/đơn vị;

+ Tạp vụ: 01 tạp vụ/đơn vị.

- Tổng cục THADS giao kinh phí hỗ trợ lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP cho các Cục THADS. Trong năm, căn cứ vào tình hình thu phí thực tế, số lượng hợp đồng lao động của các đơn vị trực thuộc, Cục THADS phân bổ, điều chỉnh cho phù hợp, đảm bảo chế độ cho người lao động theo quy định.

b) Mức hỗ trợ

Tổng cục THADS phân bổ hỗ trợ kinh phí tiền lương cho hợp đồng theo mức lương tối thiểu vùng quy định tại Nghị định số 90/2019/NĐ-CP ngày 15/11/2019 của Chính phủ.

1.6. Hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ kế toán nghiệp vụ

Trên cơ sở báo cáo số vụ việc phải thi hành của các đơn vị, cấp kinh phí cho các đơn vị cố số lượng vụ việc lớn để hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ kế toán nghiệp vụ như sau:

- Đơn vị có số vụ việc phải thi hành trung bình 3 năm (2019, 2020, 2021) từ 750 việc đến dưới 3.000 việc: kinh phí hỗ trợ = (2- số công chức kế toán) x 25 triệu đồng;

- Đơn vị có số vụ việc phải thi hành trung bình 3 năm (2019, 2020, 2021) từ 3.000 việc trở lên: kinh phí hỗ trợ = (3- số công chức kế toán) x 25 triệu đồng.

Tổng cục THADS giao kinh phí hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ kế toán cho các Cục THADS. Trong năm, các Cục căn cứ vào tình hình thu phí thực tế, số lượng vụ việc phải thi hành, số công chức kế toán của các đơn vị trực thuộc để phân bổ, điều chỉnh cho phù hợp. Việc sử dụng kinh phí đảm bảo theo quy định.

1.7. Một số khoản giảm trừ dự toán

a) Trích lập Quỹ Thi đua khen thưởng của Ngành Tư pháp

Căn cứ theo quy định tại Thông tư số 05/2018/TT-BTP ngày 07/6/2018 của Bộ Tư pháp về hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng trong Ngành Tư pháp.

Tổng cục THADS trừ kinh phí trích lập quỹ thi đua, khen thưởng tập trung của Ngành Tư pháp và Tổng cục THADS bằng% Quỹ tiền lương theo ngạch bậc, chức vụ của số cán bộ, công chức thời điểm ngày 30/11/2021. Kinh phí này giao cho Văn phòng Tổng cục THADS để chuyển về tài khoản tiền gửi của Quỹ Thi đua khen thưởng Ngành Tư pháp là%, chuyển về tài khoản tiền gửi của Quỹ Thi đua khen thưởng Tổng cục THADS là%.

b) Kinh phí mua Báo Pháp luật Việt Nam

Tổng cục THADS giảm trừ trong kinh phí thường xuyên của các đơn vị để đặt mua báo Pháp luật Việt Nam năm 2021 như sau:

- Các ấn phẩm đặt mua của Báo Pháp luật Việt Nam gồm: Báo Xuân Dương lịch 2022; Báo Tết Nhâm Dần 2022; Báo Pháp luật Việt Nam hàng ngày; Chuyên đề Doanh nhân Pháp luật tết; Pháp luật bốn phương; Câu chuyện pháp luật; Xa lộ pháp luật.

- Kinh phí: giảm trừ của đơn vị cấp tỉnh: 5.779.000 đồng/đơn vị/năm; cấp huyện: 3.164.000 đồng/đơn vị/năm.

Kinh phí này sẽ giao về Văn phòng Tổng cục THADS để thực hiện theo hợp đồng ký với Báo Pháp luật Việt Nam.

2. Kinh phí giao không tự chủ tài chính

2.1. Kinh phí tạm ứng cưỡng chế và kinh phí tạm ứng Thừa phát lại

Trên cơ sở kinh phí được giao và tình hình sử dụng kinh phí tạm ứng cưỡng chế trong năm 2021 của các đơn vị, Tổng cục THADS cấp kinh phí tạm ứng cưỡng chế và kinh phí Thừa phát lại năm 2022 cho Cục THADS. Căn cứ tình hình và nhu cầu thực tế, Cục THADS phân bổ cho các đơn vị dự toán trực thuộc.

2.2. Kinh phí thuê trụ sở, kho vật chứng

Tổng cục THADS phân bổ một phần kinh phí cho các đơn vị có nhu cầu thuê trụ sở và kho vật chứng năm 2022 trên cơ sở đề nghị thuê trụ sở, kho vật chứng của các đơn vị và theo kết quả kiểm tra, thẩm định của các đơn vị có thẩm quyền theo phân cấp của Bộ Tư pháp tại Quyết định số 1740/QĐ-BTP. Khoản kinh phí còn thiếu, Tổng cục THADS sẽ xem xét báo cáo Bộ Tư pháp điều chỉnh trong quá trình điều hành Ngân sách nhà nước năm 2022.

Trình tự, thủ tục lựa chọn đơn vị cho thuê tài sản, đơn giá thuê tài sản, ký hợp đồng... đơn vị thực hiện theo quy định tại Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

2.3. Kinh phí trang phục

a) Tiêu chí phân bổ

- Đối với cán bộ, công chức: phân bổ kinh phí trang phục năm 2022 theo niên hạn cho số biên chế thực tế có mặt tại thời điểm 30/11/2021;

- Đối với người lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP: phân bổ theo niên hạn quy định tại Quyết định số 1208/QĐ-BTP ngày 30/5/2014 của Bộ Tư pháp về trang phục, phù hiệu, cấp hiệu cho người lao động trong cơ quan THADS cho số hợp đồng có mặt tại thời điểm 30/11/2021.

b) Nguồn kinh phí

- Nguồn kinh phí trang phục được Tổng cục THADS giao năm 2021;

- Nguồn kinh phí trang phục giao tự chủ năm 2021 được chuyển nguồn sang năm 2022 theo quy định của pháp luật.

Đơn vị chủ động phân bổ, triển khai thực hiện đối với kinh phí trang phục cấp phát bằng tiền mặt theo quy định; đối với kinh phí trang phục may sẵn bằng hiện vật chờ hướng dẫn của Tổng cục THADS.

2.4. Kinh phí chuyên môn, nghiệp vụ

Các khoản kinh phí cưỡng chế ngân sách chịu, kinh phí tiêu hủy tang vật, kinh phí bán đấu giá tài sản không thành: Tổng cục THADS phân bổ kinh phí cho các đơn vị có nhu cầu theo hồ sơ đã được thẩm định của các đơn vị. Trong

năm, các đơn vị tiếp tục tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ báo cáo Tổng cục THADS xem xét, quyết định.

2.5. Kinh phí tinh giản biên chế

Tổng cục giao kinh phí tinh giản biên chế đợt 1 năm 2022 cho các Cục THADS để phân bổ cho các đơn vị có công chức thuộc danh sách tinh giản biên chế ban hành kèm theo quyết định 1872/QĐ-BTP ngày 20/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

III. Một số điểm cần lưu ý

1. Giao dự toán cho đơn vị dự toán cấp dưới

Căn cứ dự toán được giao theo Quyết định số 1027/QĐ-TCTHADS và 1028/QĐ-TCTHADS ngày 30/12/2021, Tổng cục THADS yêu cầu Cục THADS khẩn trương giao dự toán cho đơn vị cấp dưới trực thuộc và hướng dẫn các đơn vị trực tiếp sử dụng ngân sách thực hiện theo đúng quy định của pháp luật và hướng dẫn tại Công văn này.

Sau khi giao dự toán cho các đơn vị, Cục có trách nhiệm gửi bản tổng hợp phân bổ dự toán gửi về Tổng cục THADS (Vụ Kế hoạch - Tài chính) trong phạm vi 07 ngày kể từ ngày nhận được dự toán Tổng cục THADS giao.

Việc nhập dự toán vào hệ thống thông tin quản lý ngân sách và Kho bạc (TABMIS) được thực hiện theo quy định tại các văn bản của Bộ Tài chính hướng dẫn về quy trình thủ tục nhập dự toán vào hệ thống Tabmis. Cụ thể như sau:

- Tổng cục THADS có Quyết định giao dự toán cho các Cục THADS và nhập trên hệ thống Tabmis giao dự toán cho các Cục THADS tỉnh. Sau khi nhận được Quyết định giao dự toán của Tổng cục THADS, Cục THADS các tỉnh có Quyết định giao dự toán cho các đơn vị dự toán trực tiếp sử dụng ngân sách đồng thời gửi Kho bạc Nhà nước tỉnh Quyết định giao dự toán ngân sách của Tổng cục THADS cho Cục và các Quyết định giao ngân sách của Cục cho các đơn vị dự toán trực thuộc để Kho bạc tỉnh nhập trên hệ thống Tabmis giao dự toán cho Văn phòng Cục và các Chi cục THADS trực thuộc.

- Việc điều chỉnh dự toán ngân sách trong năm: Căn cứ tình hình triển khai nhiệm vụ, dự toán được giao, Cục THADS tỉnh được thực hiện việc điều chỉnh cho phù hợp với thực tế triển khai nhiệm vụ trong cùng nội dung chi, giữa các đơn vị trực thuộc theo đúng thẩm quyền quy định tại Quyết định số 1740/QĐ-BTP của Bộ Tư pháp. Khi điều chỉnh, bổ sung dự toán giữa các đơn vị, Cục THADS gửi Quyết định đến Kho bạc tỉnh để Kho bạc tỉnh nhập trên hệ

thống Tabmis giao dự toán điều chỉnh, bổ sung cho các đơn vị trực thuộc, đồng thời gửi về Tổng cục THADS (Vụ Kế hoạch - Tài chính) để báo cáo.

2. Các khoản kinh phí Tổng cục THADS sẽ tiếp tục phân bổ cho các cơ quan Thi hành án dân sự địa phương

Tổng cục THADS tiếp tục phân bổ một số khoản kinh phí trên cơ sở nhu cầu thực tế và hồ sơ đơn vị gửi về, đảm bảo đúng quy định của pháp luật gồm: kinh phí bảo trì trụ sở, kho vật chứng; kinh phí án điểm; kinh phí cưỡng chế ngân sách chịu; kinh phí bán đấu giá tài sản không thành; kinh phí tiêu hủy tang vật và một số khoản kinh phí khác.

3. Công khai phân bổ dự toán ngân sách

Tổng cục THADS yêu cầu Cục THADS thực hiện và chỉ đạo các đơn vị dự toán trực thuộc thực hiện nghiêm túc việc công khai dự toán ngân sách năm 2022 theo đúng nội dung, hình thức và thời gian quy định tại Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ và Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC.

Cục THADS có trách nhiệm báo cáo tình hình thực hiện công khai dự toán ngân sách năm 2022 của Cục và các đơn vị dự toán trực thuộc gửi về Tổng cục THADS (Vụ Kế hoạch - Tài chính). Thời gian gửi báo cáo cùng thời điểm công bố công khai theo quy định để Tổng cục THADS tổng hợp, báo cáo Bộ Tư pháp.

Trên đây là thông báo chi tiết dự toán ngân sách nhà nước năm 2022 cho các cơ quan THADS, Tổng cục THADS thông báo để đơn vị biết để khẩn trương tổ chức, thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thứ trưởng Mai Lương Khôi (để b/c);
- Tổng Cục trưởng (để b/c);
- Các Phó Tổng cục trưởng (để b/c);
- Cục KHTC, Bộ Tư pháp (để ph/h);
- Lưu: VT, Vụ KHTC.

TL.TỔNG CỤC TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG VỤ KẾ HOẠCH - TÀI CHÍNH

Phạm Thị Xuân Phương

Số: 31 /QĐ-CTHADS

Bình Thuận, ngày 30 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022

CỤC TRƯỞNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TỈNH BÌNH THUẬN

Căn cứ Quyết định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 61/2014/QĐ-TTg ngày 30 tháng 10 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thi hành án dân sự;

Căn cứ Quyết định số 1740/QĐ-BTP ngày 01 tháng 8 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành quy định phân cấp, ủy quyền quản lý tài chính, tài sản, mua sắm hàng hóa, dịch vụ, đầu tư xây dựng và ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Tư pháp;

Căn cứ Quyết định số 1027/QĐ-TCTHADS ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Tổng Cục thi hành án dân sự về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022;

Xét đề nghị của Phụ trách Văn phòng, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận.

QUYẾT ĐỊNH :

Điều 1. Giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022 cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận (chi tiết theo phụ lục đính kèm).

Điều 2. Căn cứ dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022 được giao, Thủ trưởng các đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và văn bản hướng dẫn hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc Cục Thi hành án dân sự và các cá nhân, tổ chức liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận :

- Như Điều 2;
- KBNN tỉnh.;
- KBNN nơi giao dịch (gửi qua đơn vị sử dụng ngân sách)
- Tổng Cục THADS-VKHTC;
- Lãnh đạo Cục THADS;
- Lưu VT, Kế toán HCSN.

K.T CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG



Nguyễn Văn Bình

TỔNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
 CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
 TỈNH BÌNH THUẬN
 Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

CHI TIẾT DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CHO HỆ THỐNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ NĂM 2022
 (Kèm theo Quyết định số 31/CTHADS ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

ST T	Tên đơn vị	KINH PHÍ GIAO TỰ CHỦ TÀI CHÍNH (LOẠI 340-341)								
		TỔNG SỐ	Tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp cho cán bộ, công chức	Chi thường xuyên theo định mức	Quản lý ngành	Hỗ trợ lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	Hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ kế toán	Các khoản giảm trừ		
								Quý thi đua khen thưởng tập trung	Đặt mua báo PLVN tập trung	Quý thi đua khen thưởng tập trung Cục (1,8%)
A	B	1=sum(2:9)	2	3	4	5	6	7	8	9
	BÌNH THUẬN	23,865,077	15,803,532	6,275,100	102,000	1,727,760	100,000	-105,896	-37,419	-149,565
T	THA tỉnh	5,158,942	3,498,117	1,233,600	102,000	235,200	0	-22,285	-5,779	-31,476
Q	THA TP. Phan Thiết	3,048,500	2,112,036	760,000	0	188,160	25,000	-13,900	-3,164	-19,632
HĐ	THA Phú Quý	1,194,007	816,673	244,000	0	147,360	0	-4,503	-3,164	-6,359
H	THA TX. La Gi	1,897,386	1,208,496	522,500	0	164,640	25,000	-8,326	-3,164	-11,760
H	THA Hàm Tân	1,521,103	977,475	427,500	0	110,520	25,000	-6,727	-3,164	-9,501
H	THA Tân Linh	1,650,795	1,023,536	475,000	0	147,360	25,000	-7,021	-3,164	-9,916
H	THA Tuy Phong	2,038,533	1,299,111	617,500	0	147,360	0	-9,233	-3,164	-13,041
H	THA Bắc Bình	1,816,286	1,255,028	475,000	0	110,520	0	-8,746	-3,164	-12,352
H	THA Hàm Th Nam	1,607,881	1,036,595	427,500	0	164,640	0	-7,333	-3,164	-10,357
H	THA Đức Linh	1,690,042	1,040,937	522,500	0	147,360	0	-7,292	-3,164	-10,299
H	THA Hàm Th. Bắc	2,241,602	1,535,528	570,000	0	164,640	0	-10,530	-3,164	-14,872

**GIÁO DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022
CHO CƠ QUAN THỊ HÀNH AN DÂN SỰ TRỰC THUỘC CỤC THADS TỈNH BÌNH THUẬN**

(Kèm theo Quyết định số 31/QĐ-CTHADS và số 32/QĐ-CTHADS ngày 30 tháng 12 năm 2021
của Cục trưởng Cục thị hành án dân sự tỉnh Bình Thuận)

Đơn vị: 1.000 đồng

STT	Đơn vị	Tổng cộng	Tên Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch	Mã số KBNN nơi giao dịch
	TỔNG CỘNG	26,487,531		
	Giao tự chủ tài chính	23,865,077		
	Giao không tự chủ tài chính	2,622,454		
1	Văn phòng Cục THADS tỉnh	6,308,324	KBNN tỉnh Bình Thuận	1661
	Giao tự chủ tài chính	5,158,942		
	Giao không tự chủ tài chính	1,149,382		
2	Chi cục THADS TP. Phan Thiết	3,162,150	KBNN tỉnh Bình Thuận	1661
	Giao tự chủ tài chính	3,048,500		
	Giao không tự chủ tài chính	113,650		
3	Chi cục THADS huyện Phú Quý	1,457,789	KBNN huyện Phú Quý	1664
	Giao tự chủ tài chính	1,194,007		
	Giao không tự chủ tài chính	263,782		
4	Chi cục THADS thị xã La Gi	2,452,056	KBNN thị xã La Gi	1670
	Giao tự chủ tài chính	1,897,386		
	Giao không tự chủ tài chính	554,670		
5	Chi cục THADS huyện Hàm Tân	1,584,483	KBNN huyện Hàm Tân	1668
	Giao tự chủ tài chính	1,521,103		
	Giao không tự chủ tài chính	63,380		
6	Chi cục THADS huyện Tánh Linh	1,766,870	KBNN huyện Tánh Linh	1669
	Giao tự chủ tài chính	1,650,795		
	Giao không tự chủ tài chính	116,075		
7	Chi cục THADS huyện Tuy Phong	2,089,623	KBNN huyện Tuy Phong	1665
	Giao tự chủ tài chính	2,038,533		
	Giao không tự chủ tài chính	51,090		
8	Chi cục THADS huyện Bắc Bình	1,859,611	KBNN huyện Bắc Bình	1663
	Giao tự chủ tài chính	1,816,286		
	Giao không tự chủ tài chính	43,325		
9	Chi cục THADS huyện Hàm Thuận Nam	1,669,216	KBNN huyện Hàm Thuận Nam	1667
	Giao tự chủ tài chính	1,607,881		
	Giao không tự chủ tài chính	61,335		
10	Chi cục THADS huyện Đức Linh	1,786,747	KBNN huyện Đức Linh	1662
	Giao tự chủ tài chính	1,690,042		
	Giao không tự chủ tài chính	96,705		
11	Chi cục THADS huyện Hàm Thuận Bắc	2,350,662	KBNN huyện Hàm Thuận Bắc	1666
	Giao tự chủ tài chính	2,241,602		
	Giao không tự chủ tài chính	109,060		

Số: 1027/QĐ-TCTHADS

Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

Căn cứ Quyết định số 61/2014/QĐ-TTg ngày 30 tháng 10 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thi hành án dân sự;

Căn cứ Quyết định số 1740/QĐ-BTP ngày 01 tháng 8 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành quy định phân cấp, ủy quyền quản lý tài chính, tài sản, mua sắm hàng hóa, dịch vụ, đầu tư xây dựng và ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Tư pháp;

Căn cứ Quyết định số 1952/QĐ-BTP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch – Tài chính, Tổng cục Thi hành án dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022 cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc Tổng cục Thi hành án dân sự (chi tiết theo phụ lục đính kèm).

Điều 2. Căn cứ dự toán thu, chi ngân sách năm 2022 được giao, Thủ trưởng các đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và văn bản hướng dẫn hiện hành.

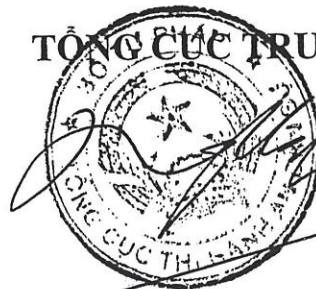
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc Tổng cục Thi hành án dân sự và các cá nhân, tổ chức liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Mai Lương Khôi (để b/c);
- Các Phó Tổng cục trưởng (để biết);
- Cục Kế hoạch - Tài chính, BTP (để ph/h);
- KBNN nơi đơn vị giao dịch (gửi qua đơn vị sử dụng ngân sách);
- Lưu: VT, KHTC.

TỔNG CỤC TRƯỞNG



Nguyễn Quang Thái



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHI TIẾT DƯ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CHO HỆ THỐNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 1027/QĐ-TCTHADS ngày 30 tháng 12 năm 2021 của
Tổng Cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự)

Đơn vị: 1.000 đồng

STT	Tên đơn vị	KINH PHÍ GIAO TỰ CHỦ TÀI CHÍNH (LOẠI 340-341)							
		TỔNG SỐ	Tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp cho cán bộ, công chức	Chi thường xuyên theo định mức	Quản lý ngành	Hỗ trợ lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	Hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ kế toán	Các khoản giảm trừ	
A	B	1=sum(2:8)	2	3	4	5	6	7	8
35	BÌNH THUẬN	23.865.077	15.803.532	6.275.100	102.000	1.727.760	100.000	-105.896	-37.419
<i>T</i>	THA tỉnh	6.515.324	3.380.028	1.233.600	102.000	1.727.760	100.000	-22.285	-5.779
<i>Q</i>	THA TP. Phan Thiết	2.874.604	2.131.668	760.000	0	0	0	-13.900	-3.164
<i>HD</i>	THA Phú Quý	1.059.365	823.032	244.000	0	0	0	-4.503	-3.164
<i>H</i>	THA TX. La Gi	1.731.266	1.220.256	522.500	0	0	0	-8.326	-3.164
<i>H</i>	THA Hàm Tân	1.404.585	986.976	427.500	0	0	0	-6.727	-3.164
<i>H</i>	THA Tánh Linh	1.498.267	1.033.452	475.000	0	0	0	-7.021	-3.164
<i>H</i>	THA Tuy Phong	1.917.255	1.312.152	617.500	0	0	0	-9.233	-3.164
<i>H</i>	THA Bắc Bình	1.730.470	1.267.380	475.000	0	0	0	-8.746	-3.164
<i>H</i>	THA Hàm Thuận Nam	1.463.955	1.046.952	427.500	0	0	0	-7.333	-3.164
<i>H</i>	THA Đức Linh	1.563.280	1.051.236	522.500	0	0	0	-7.292	-3.164
<i>H</i>	THA Hàm Thuận Bắc	2.106.706	1.550.400	570.000	0	0	0	-10.530	-3.164

GIAO DƯ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 1027/QĐ-TCTHADS ngày 30 tháng 12 năm 2021 của
Tổng Cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự)

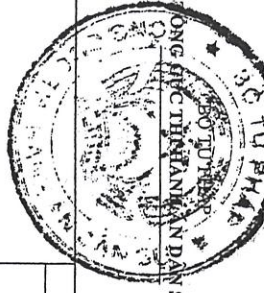
Đơn vị: Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận

Mã số : 1052718

Đơn vị: 1.000 đồng

STT	Nội dung	Tổng số
A	Số thu, chi ngân sách về phí, lệ phí	
1	Số thu phí, lệ phí	5.085.000
2	Chi từ nguồn phí, lệ phí để lại (Bao gồm số được sử dụng tại đơn vị và số nộp về Tổng cục)	3.241.690
3	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	1.843.310
B	Dự toán chi Ngân sách nhà nước	23.865.077
	Trong đó: - Kinh phí giao tự chủ tài chính	23.865.077
	- Kinh phí giao không tự chủ tài chính	0
I	Chi quản lý hành chính nhà nước (Loại 340-Khoản 341)	23.865.077
1	Kinh phí giao tự chủ tài chính	23.865.077
2	Kinh phí giao không tự chủ tài chính	0
II	Chi sự nghiệp đào tạo (Loại 070-Khoản 085)	0
1	Kinh phí giao tự chủ tài chính	0
2	Kinh phí giao không tự chủ tài chính	0





QUỐC HỘI VIỆT NAM
BỘ TƯ PHÁP
CÔNG AN CHỨC VỤ AN NẠN SỬ

CHI TIẾT DỰ TOÁN GIAO THU, CHI PHÍ THI HÀNH AN DÂN SỰ NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 1027/QĐ-CTHADS ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Tổng Cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đơn vị: 1.000 đồng

STT	Đơn vị	GIAO DỰ TOÁN THU NĂM 2021				DỰ TOÁN GIAO CHI TỪ PHÍ THẢ ĐƯỢC ĐỂ LẠI													
		Tổng dự toán giao thu năm 2021	Số thu được để lại	Số nộp về Tổng cục	Số để lại đơn vị	Số được sử dụng		Giao thực hiện chế độ tự chủ						Giao không thực hiện chế độ tự chủ					
35	BÌNH THUẬN	5.085.000	3.241.690	864.450	2.377.240	1.843.310	2.377.240	950.895	1.426.345	1.426.345	367.200	943.945	115.200	0	0	0	0	0	0
	THA tỉnh	364.000	232.050	61.880	170.170	131.950	170.170	68.068	102.102	102.102	67.800	4.302	30.000	0	0	0	0	0	0
	THA TP. Phan Thiết	847.000	539.963	143.990	395.973	307.037	395.973	158.389	237.584	237.584	84.000	141.584	12.000	0	0	0	0	0	0
	THA Phú Quý	47.000	29.963	7.990	21.973	17.037	21.973	8.789	13.184	13.184	0	13.184	0	0	0	0	0	0	0
	THA TX. La Gi	222.000	141.525	37.740	103.785	80.475	103.785	41.514	62.271	62.271	51.000	5.271	6.000	0	0	0	0	0	0
	THA Hàm Tân	164.000	104.550	27.880	76.670	59.450	76.670	30.668	46.002	46.002	33.000	1.002	12.000	0	0	0	0	0	0
	THA Tỉnh Linh	407.000	259.463	69.190	190.273	147.537	190.273	76.109	114.164	114.164	0	111.164	3.000	0	0	0	0	0	0
	THA Tuy Phong	363.000	231.413	61.710	169.703	131.587	169.703	67.881	101.822	101.822	32.400	49.622	19.800	0	0	0	0	0	0
	THA Bắc Bình	399.000	254.363	67.830	186.533	144.637	186.533	74.613	111.920	111.920	0	111.920	0	0	0	0	0	0	0
	THA Hàm Thuận Nam	728.000	464.100	123.760	340.340	263.900	340.340	136.136	204.204	204.204	0	192.804	11.400	0	0	0	0	0	0
	THA Đức Linh	738.000	470.475	125.460	345.015	267.525	345.015	138.006	207.009	207.009	24.000	177.009	6.000	0	0	0	0	0	0
	THA Hàm Thuận Bắc	806.000	513.825	137.020	376.805	292.175	376.805	150.722	226.083	226.083	75.000	136.083	15.000	0	0	0	0	0	0